TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 98/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 29 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 57/2026/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm: 1989; dân tộc: Tày; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; căn cước công dân số: 00618***07 do Cục C cấp ngày 11/8/2021; địa chỉ: Thôn Đ (nay là thôn Đ), xã Đ, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Trần Kim T, sinh năm: 1984; dân tộc: Hoa; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; căn cước công dân số: 01908***67 do Cục C cấp ngày 17/5/2023; địa chỉ: Thôn Đ (nay là thôn Đ), xã Đ, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21/9/2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21/9/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị N và anh Trần Kim T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Trần Kim T nhất trí thuận tình ly hôn. (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131/2011 ngày 28/11/2011 của UBND phường H, thành phố T; nay là phường P, tỉnh Thái Nguyên.

- Về con chung: Chị Hoàng Thị N và anh Trần Kim T xác nhận có 01 con chung là Trần Thức B, sinh ngày 03/01/2017. Khi ly hôn, chị N và anh T thoả thuận giao cháu Trần Thức B cho chị Hoàng Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trần Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị N và anh Trần Kim T tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị Hoàng Thị N và anh Trần Kim T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng), chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000786 ngày 17/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Hoàng Thị N 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự/.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV8, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND phường P, tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đặng Văn Tình